

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC:

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)**Câu 1:** Dãy núi ngăn cách châu Á với châu Âu là

- A. U-ran. B. Hi-ma-lay-a.
C. An-đét. D. Cooc-đi-e.

Câu 2: Đới khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất châu Âu?

- A. Nhiệt đới. B. Ôn đới.
C. Hàn đới. D. Cận nhiệt đới.

Câu 3: Quốc gia nào sau đây **không** thuộc khu vực Đông Á?

- A. Trung Quốc. B. Nhật Bản.
C. Hàn Quốc. D. Ấn Độ.

Câu 4: Miền địa hình ở giữa khu vực Nam Á là

- A. sơn nguyên Đê-can. B. đồng bằng Ấn Hằng.
C. sơn nguyên I - ran. D. hệ thống Hi-ma-lay-a.

Câu 5: Kiểu khí hậu phổ biến ở khu vực Trung Á là

- A. ôn đới gió mùa. B. nhiệt đới khô.
C. ôn đới lục địa. D. nhiệt đới gió mùa.

Câu 6: Hai con sông lớn của khu vực Tây Á là

- A. Ô-bi và Lê-na. B. Ấn và Hằng.
C. Hoàng Hà và A-mua. D. Ti-grơ và Ô-phrat.

Câu 7: Châu Phi là châu lục có diện tích lớn thứ mấy trên thế giới?

- A. 1 B. 2.
C. 3. D. 4

Câu 8: Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là

- A. Bồn địa và sơn nguyên. B. Sơn nguyên và núi cao.
C. Núi cao và đồng bằng. D. Đồng bằng và bồn địa.

II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)**Câu 1 (1,5 điểm)**

- a. Vì sao các hoang mạc của châu Phi lan ra sát bờ biển?
b. Dân số tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội châu Phi?

Câu 2 (1,0 điểm)

Cho biết sự khác biệt về cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo và môi trường nhiệt đới châu Phi.

Câu 3 (0,5 điểm)

Nêu một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

---Hết---

HƯỚNG DẪN CHÂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC:
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8 câu; 2,0 điểm)

(Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	5	C
2	B	6	D
3	D	7	C
4	B	8	A

II. TỰ LUẬN (3 câu; 3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm			
Câu 1 (1,5 điểm)	a. Vì sao các hoang mạc của châu Phi lan ra sát bờ biển?				
	- Có 2 đường chí tuyến chạy qua.	0,25			
	- Là một khối cao nguyên khổng lồ, đường bờ biển ít bị chia cắt, nhiều dãy núi ăn sát ra biển.	0,25			
	- Ảnh hưởng của các dòng biển lạnh ven bờ...	0,25			
	b. Dân số tăng nhanh gây khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của châu Phi?				
	- Làm chậm quá trình phát triển kinh tế.	0,25			
	- Chất lượng cuộc sống của người dân còn thấp; gây áp lực lên nguồn cung lương thực.	0,25			
	- Làm suy giảm một số tài nguyên, ô nhiễm môi trường....	0,25			
Câu 2 (1,0 điểm)	Cho biết sự khác biệt về cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo và môi trường nhiệt đới châu Phi.				
			1,0		
	<table><tr><th>Môi trường xích đạo</th><th>Môi trường nhiệt đới</th></tr><tr><td>- Trồng cây quanh năm, gối vụ và xen canh nhiều loại cây. - Hình thành các khu vực chuyên canh cây công nghiệp.</td><td>- Canh tác nương rẫy, chăn nuôi chăn thả. - Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp với mục đích xuất khẩu. - Khai thác xuất khẩu khoáng sản, một số nước phát triển công nghiệp chế biến.</td></tr></table>	Môi trường xích đạo	Môi trường nhiệt đới	- Trồng cây quanh năm, gối vụ và xen canh nhiều loại cây. - Hình thành các khu vực chuyên canh cây công nghiệp.	- Canh tác nương rẫy, chăn nuôi chăn thả. - Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp với mục đích xuất khẩu. - Khai thác xuất khẩu khoáng sản, một số nước phát triển công nghiệp chế biến.
Môi trường xích đạo	Môi trường nhiệt đới				
- Trồng cây quanh năm, gối vụ và xen canh nhiều loại cây. - Hình thành các khu vực chuyên canh cây công nghiệp.	- Canh tác nương rẫy, chăn nuôi chăn thả. - Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp với mục đích xuất khẩu. - Khai thác xuất khẩu khoáng sản, một số nước phát triển công nghiệp chế biến.				
Câu 3 (0,5 điểm)	Nêu một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.				
	- Gạo, hoa quả, thủy sản... (HS kể từ 03 nông sản khác xuất khẩu nhiều sang Nhật Bản vẫn cho điểm tối đa)	0,5			

---Hết---

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC:
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức							
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)	
			TN KQ	T L	TN KQ	T L	TN KQ	T L	TN KQ	T L
Phân môn Địa lí										
1	CHÂU ÂU (0,5 điểm)	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu - Đặc điểm tự nhiên.	2T N							
2	CHÂU Á (1,5 - 3,0 điểm)	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Á - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội. - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á.	4T N			1 T L *				1 T L
3	CHÂU PHI (1,5 - 3,0 điểm)	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi. - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội. - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên. - Khái quát về Cộng hoà Nam Phi.	2T N			1 T L *		1 T L		
Số câu/ loại câu			8 câu TNKQ		1 câu TL		1 câu TL		1 câu TL	
Tỉ lệ			20%		15%		10%		5%	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC:
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

T T	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơ n vị kiến	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận	Thôn	Vận	Vận

		thức		biết	g hiểu	dụng	dụng
							g cao
Phân môn Địa lí							
1	CHÂU ÂU (0,5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu. - Đặc điểm tự nhiên. 	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí châu Âu. - Trình bày được đặc điểm khí hậu của châu Âu. 	2TN			
2	CHÂU Á (1,5 - 3,0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, phạm vi châu Á - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư, xã hội. - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á. 	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. - Xác định được khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á. Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. Vận dụng cao <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. 	4TN	1TL*		1TL
3	CHÂU PHI (20-25% = 2,0 - 2,5 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi. - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc 	Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: Địa hình; khí hậu; 	2TN			

	điểm dân cư, xã hội. - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên.	sinh vật; nước; khoáng sản. Thông hiểu - Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. - Phân tích được một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,... - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự ... Vận dụng - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.		1TL*		
Số câu/ loại câu			8 câu TNK Q	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ %			20%	15%	10%	5%